TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2018/HNGĐ -PT
Ngày 21- 8-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Hoàng Thị Minh Khánh**

- Các Thẩm phán: Ông **Hồ Thanh Sơn**

Ông **Ma Hồng Thắng**

- Thư ký phiên toà: Bà **Trần Ánh Nguyệt** – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện V kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Bà **Nguyễn Hữu Tình**- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2018/HNGĐ - PT ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*",

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2018/HNGĐ - ST, ngày 14/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2018/QĐ-PT, ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ma Thị L**; sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn K, xã U, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Tạm trú: Tập thể Trường Mầm non A, xã A, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Đàm Quốc C**- Luật sư – Cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

2.Bị đơn: Anh **Ma Hồng V**; sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn K, xã U, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Ma Hồng V

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Ma Thị L có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Ma Hồng V đã đăng ký kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại thôn K, xã U, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V không còn tin tưởng vợ, kiểm soát thời gian, phương tiện liên lạc và nhiều lần xúc

phạm nhau quá đáng. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Ma Hồng V.

Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh V có 01 người con chung tên là Ma Huy T, sinh ngày 20/01/2012, hiện nay cháu T đang ở cùng chị L. Nay ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000^{đ} (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung là 750.000^{đ}/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án anh Ma Hồng V trình bày: Anh và chị L tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Anh và chị L tự nguyện tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là chị L hiểu nhầm, đôi lúc vợ chồng có xảy ra cãi vã. Anh V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn rất yêu chị L. Chị L xin ly hôn, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung, quá trình chung sống có 01 người con chung tên là Ma Huy T, sinh ngày 20/01/2012. Hiện nay cháu T đang ở cùng chị L. Nếu phải ly hôn thì anh V nhất trí để chị L trực tiếp nuôi cháu T. Tại biên bản hòa giải ngày 04/5/2018 anh không nhất trí ly hôn nên không muốn đề cập đến việc nhận nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng anh không có.

Tại phiên tòa, anh V trình bày: Bản thân anh V vẫn giữ nguyên quan điểm xin đoàn tụ, không nhất trí ly hôn và không có ý kiến gì về phần con chung. Tài sản chung và nợ chung không có. Anh V đề nghị được đoàn tụ để nuôi dạy con chung và chỉ cần vợ chồng cùng nuôi con cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, nếu lúc đó chị L xin ly hôn thì anh V sẽ giải thoát cho chị L, anh chấp nhận chung sống và không cần quan hệ vợ chồng, chỉ để chăm sóc và giáo dục con. Về thủ tục anh V đề nghị đưa vụ án về hòa giải tại cơ sở tại Tổ N, thị trấn I, tại Thôn K, xã U, tại trường học nơi chị L dạy học và cho rằng Tòa án không thực hiện hòa giải tại cơ sở mà chỉ thực hiện hòa giải tại Tòa án là không đúng.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2018/HNGĐ-ST, ngày 14 tháng 6 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 107,110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, 144, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự , Điều 357 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ma Thị L. Cho chị Ma Thị L được ly hôn với anh Ma Hồng V. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Huy T, sinh ngày 20/01/2012 cho chị Ma Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng (hiện nay cháu T đang sống cùng chị L). Anh V phải cấp dưỡng nuôi cháu T 750.000^{đ}/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/6/2018, bị đơn anh Ma Hồng V có đơn kháng cáo không nhất trí bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2018/HNGĐ-ST, ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm lại vụ án, anh không nhất trí ly hôn với vợ và không đồng ý để vợ nuôi con một mình. Anh tha thiết đề nghị Tòa phúc thẩm xử không ly hôn giữa vợ chồng anh. Không để cho con phải sống xa cha hoặc xa mẹ dẫn đến cháu trưởng thành trong một môi trường xấu. Đề nghị các cơ quan xem xét hòa giải ở cơ sở, quyết định cho gia đình anh được đoàn tụ.

Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn anh Ma Hồng V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Căn cứ hồ sơ vụ kiện, lời trình bày của các đương sự. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị L và anh V có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhau không tồn tại gia đình hạnh phúc, Tòa án nhân dân huyện H xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L và xử cho chị L được ly hôn anh V là đúng quy định của pháp luật. Không nhất trí với bản án sơ thẩm anh V đã kháng cáo T bộ bản án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Ma Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Ma Hồng V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nhưng anh V không xuất trình được tình tiết mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, những lý do anh V đưa ra là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác T bộ yêu cầu kháng cáo của anh V, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn anh Ma Hồng V hợp lệ, trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị L xử cho chị L được ly hôn anh Ma Hồng V và xử giao con chung cháu Ma Huy T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 750.000đ. Anh V kháng cáo T bộ bản án sơ thẩm, tại phiên tòa anh V không xuất trình được căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận về đoàn tụ, tại phiên tòa

phúc thẩm cũng đã giành thời gian cho các bên hòa giải, đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án sơ thẩm đã xem xét đến tình trạng hôn nhân và các căn cứ pháp luật xử cho chị L ly hôn anh V là có cơ sở. Tại phiên tòa anh V không xuất trình căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Ma Hồng V. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H xử cho chị Ma Thị L được ly hôn anh Ma Hồng V và xử giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 750.000đ cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho anh V theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòavà căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị L và anh Ma Hồng V đăng ký kết hôn ngày 29/9/ 2010 tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ N, thị trấn I – huyện H – tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầusống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L là do anh V không còn tin tưởng vợ, kiểm soát thời gian, phương tiện liên lạc và nhiều lần xúc phạm nhau quá đáng, theo anh V nguyên nhân là do chị L hiểu nhầm, đôi lúc vợ chồng có xảy ra cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với anh Ma Hồng V. Anh V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn.

Qua xác minh tại Trường Mầm non A nơi chị L công tác, chị L và con chung sống tại tập thể của Trường từ tháng 8/2012. Tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L anh V đã trầm trọng, không thể khắc phục được, chị L và anh V đã ly thân từ tháng 7/2017. Đại diện tổ nhân dân tổ Trung tâm 3 thị trấn Vĩnh Lộc nơi anh V, chị L sinh sống (tạm trú), xác nhận trong thời gian sinh sống tạm trú tại tổ trung tâm 3 trước khi chị L chuyển đi nơi khác sinh sống thì trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng chị L, anh V thường xuyên xảy ra việc cãi chửi nhau mặc dù không nhờ tổ dân phố hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và không thể khắc phục được nên chị L mới chuyển về tập thể nhà trường nơi chị L dạy học để sinh sống. Tòa án nhân dân huyện H xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ma Thị L xử cho chị L được ly hôn anh Ma Hồng V là đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh V,cần giữ nguyên bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ma Thị L đối với anh Ma Hồng V.

Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh V có 01 người con chung tên là Ma Huy T, sinh ngày 20/01/2012, hiện nay cháu T đang ở cùng chị L. Chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung là 750.000^{đ}/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Vkhông nhất trí ly hôn và không nhất trí để chị L nuôi con một mình.

Xét thấy cả chị L và anh V đều có công việc ổn định và có thu nhập. Chị L hiện là giáo viên có thu nhập bình quân là 5.485.000đ/tháng , anh V là cán bộ Phòng lao động thương binh xã hội huyện Lâm Bình, thu nhập bình quân là 5.309.000đ/tháng. Tuy nhiên do điều kiện công tác xa nhà nên hiện nay anh V để cho chị L chăm sóc trông nom con. Xét về điều kiện chăm sóc con, hiện nay cháu T còn nhỏ, để đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm lý của trẻ nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Anh V công tác xa nhà, khó có thể đảm bảo các nhu cầu về chăm sóc, sinh hoạt, học tập cũng như sự phát triển tốt nhất cho cháu T. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 750.000đ/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là có cơ sở chấp nhận. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh V giao con chung cho cả chị L và anh V nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Ma Hồng V có đơn xin miễn nộp án phí có xác nhận của chính quyền địa phương. Xét thấy đây là tình tiết mới: anh V là dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế khó khăn. Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh V, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí: Miễn T bộ án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm cho anh V, Trả lại cho anh V khoản tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57,Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Không chấp nhận kháng cáo của anh Ma Hồng V đề nghị không ly hôn với chị Ma Thị L và không nhất trí để chị L nuôi con một mình. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân và giao nuôi con chung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ma Thị L; Xử cho chị Ma Thị L được ly hôn với anh Ma Hồng V. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Ma Huy T, sinh ngày 20/01/2012 cho chị Ma Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng là 750.000đ cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận kháng cáo của anh Ma Hồng V sửa án phí sơ thẩm như sau: Miễn T bộ án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ cho anh Ma Hồng V.

3. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Ma Hồng V không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, trả lại cho anh V số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),*tại biên lai thu số 0006397 ngày 06/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/8/2018).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Hồng Thắng **Hồ Thanh Sơn** **Hoàng Thị Minh Khánh**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;

- VKSND Cấp cao;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện H;
- Chi Cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Hoàng Thị Minh Khánh